SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
QUẬN SƠN TRÀ
Số: 338 /TM-YTST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày 15 tháng 3 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
V/v Mua sắm Trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2024

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế cần để phục vụ chuyên môn sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng trang thiết bị y tế cụ thể như sau:

Phụ lục 1: Hàng hóa đề nghị chào giá

Phụ lục 2: Mẫu báo giá: Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế.

Thời gian nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 15/03/2024 đến 16h00 ngày 25/03/2024.

Nơi nhận: Hành chính – Văn thư – Tầng 9, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà. Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: trungtamytesontra@danang.gov.vn

Số điện thoại: 02363.944.294

Thông tin được đăng tải tại trang Web của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà: https://benhviensontra.com.vn/vi/

Hồ sơ báo giá gồm các loại giấy tờ như sau:

- Báo giá do đại diện công ty ký và đóng dấu công ty. Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc xác định đơn giá dự toán.
- Bản photo công chứng Giấy phép kinh doanh.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty để kịp thời mua sắm hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, KD-TTB-VTYT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN SƠN TRÀ

Ngô Văn Đình Hoài

PHỤ LỤC 1: HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời chào giá số: 338/TM-YTST ngày 15tháng 3 năm 2024 của TTYT quận Sơn Trà)

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tương đương	ĐVT	Số lượng
1	Máy thở (xách tay)	**1. Đặc tính khí nén** - Áp lực ô xy đầu vào: 2.8 đến 5.5 bar - Sử dụng được với nguồn ô xy áp lực thấp: dưới 80 lít/phút, 10 PSIG **2. Các thông số điều khiển** – Các chế độ thở máy: Kiểm soát, hỗ trợ/kiểm soát, SIMV, CPAP, NPPV – Các kiểu thở: Điều khiển thể tích, Điều khiển áp lực, Thở tự nhiên – Nhịp thở: 0 đến ≤ 80 nhịp/phút – Thể tích khí lưu thông: 50 đến 2000 mL – Thời gian thở vào: 0.3 đến ≥ 9.9 giây (100 lít/phút) – Lưu lượng dòng trong chế độ thở PC/PS/thở tự nhiên: ≤ 160 lít/phút – Điều khiển áp lực: 1 đến 99 cmH_2O – Hỗ trợ áp lực: 1 đến 60 cmH_2O – Độ nhạy: 1 đến 9 lít/phút – FiO_2: 21 đến 100% – PEEP/CPAP: 0 đến 20 cmH_2O – Nhịp thở bằng tay: 1 nhịp với cài đặt hiện tại – Cung cấp O2 nguyên chất: trong thời gian từ 1 đến 3 phút **3. Cài đặt cảnh báo** – Thời gian ngừng thở: 10 đến 60 giây – Giới hạn áp lực cao: 5 đến 100 cmH_2O – Áp lực đỉnh thấp: tắt, 1 đến 60 cmH_2O – Thể tích khí thấp: tắt, 0.1 đến 9 lít – Âm lượng báo động: 60 đến 80 dBA – PEEP cao: tắt, 3 đến 20 cmH_2O trên mức đặt PEEP – PEEP thấp: tắt, -3 đến -20 cmH_2O dưới mức đặt PEEP – Nhịp thở cao: tắt, 5 đến 80 nhịp/phút **4. Các báo động cố định** – Phát hiện ngắt mạch thở – Mất nguồn điện lưới hoặc điện áp lưới thấp – Cạn ắc quy hoặc điện áp ắc quy thấp	Cái	1

thanhlap=5052024 09:28:50-thuvienhdp2-thanhdp2

		– Áp lực ô xy vào cao/thấp **5. Các chỉ số đo và hiển thị** – Áp lực đỉnh thì thở vào: 0 đến 120 cmH_2O – Áp lực trung bình đường khí: 0 đến 99 cmH_2O – PEEP: 0 đến 99 cmH_2O – Nhịp thở: 0 đến 250 nhịp/phút – Hiển thị áp lực đường khí: -10 đến 108 cmH_2O – Thể tích thở ra: 0 đến 4000 mL – Thể tích khí phút thở ra: 0 đến 99.9 lít – Tỷ lệ I:E : 99:1 đến 1:99 – Dòng đỉnh: 10 đến 100 lít/phút – AutoPEEP: 0 đến 100 cmH_2O – Độ giãn nở tĩnh: 1 đến 999 mL/cmH_2O – Chỉ thị điện cho nguồn ngoài, tình trạng sạc và mức ắc quy		
2	Máy trợ thở sơ sinh CPAP	**<u>Cấu hình cung cấp cho 01 máy:</u>** - Bộ làm ấm 01 cái - Cảm biến nhiệt độ và lưu lượng: 01 cái - Lưu lượng kế oxy: 01 cái - Lưu lượng kế khí nén: 01 cái - Ống nối dây thở 70mm : 01 hộp - Chạc ba dẫn khí thở vào mũi cỡ 3.5mm/2.0mm : 01 hộp - Chạc ba dẫn khí thở vào mũi cỡ 4.5mm/4.0mm : 01 hộp - Mũ CPAP 29 – 36 Cm: 01 hộp - Mũ CPAP 25 – 29 Cm: 01 hộp - Bộ gá CPAP: 01 cái - Bộ gá bình làm ẩm: 01 cái - Dây dẫn khí Oxy/Khí nén: 01 hộp - Giá đỡ máy có các bánh xe có khoá: 01 cái - Dây dẫn nguồn oxy 01 cái - Dây dẫn nguồn Air 01 cái - Bộ trộn 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng 01 bộ ❖ Đặc điểm: Dãy đo dòng khí đưa vào để dùng: 4 - 15 L/phút (tối đa) Dãy đo dòng khí đưa vào được khuyên dùng: 6 - 8 L/phút	Cái	2

thanhdp2-15/03/2024 09:28:56-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		Khoang làm ẩm Đường khí vào : ≥ 22mm Đường khí ra : ≥ 22mm Thể tích nén : ≥ 280ml Độ đàn hồi : ≥ 0,4 ml/cm H_2O Áp lực hoạt động tối đa : ≤ 80cm H_2O Dòng thổi tối đa : ≤ 180 L/phút ***Ống phân phối áp lực*** Giới hạn áp lực tối đa : ≤ 17cm H_2O tại 8 L/phút Đầu nối khí vào : đầu nối đưa oxy vào Đầu nối khí ra : 22mm hoặc 15mm Cửa thông áp lực : 4 hoặc 6 mm, đẩy vào Cửa thông máy phân tích oxy : 22mm hoặc 15mm ***Ống thở đơn làm ấm nhiệt độ*** Chiều dài mạch - Thở ra : ≥ 1,1m - Hít vào : ≥ 1,2m Dung tích nén được Nhánh hít vào : ≥ 149ml Nhánh thở ra : ≥ 101ml Độ đàn hồi Nhánh hít vào : ≥ 0,19ml/cm H_2O Nhánh thở ra : ≥ 0,13ml/cm H_2O Mức độ cản dòng khí : ≥ 0,6cm H_2O tại 6 L/phút ***Bộ phận tạo bubble CPAP*** Ống vào : 15mm Ống ra : 22mm Áp lực CPAP (trung bình) : 3 – 10cm H_2O Dung tích bình chứa nước tạo bọt khí: tương đương 500mls ***Bộ kết nối ống thông mũi*** Khoảng chết : không Chiều dài ống thông mũi (với phần nối dài có thể gập lại) 50mm (nối dài) : ≥ 224mm (gập lại) : ≥ 163mm 70mm (nối dài) : ≥ 244mm (gập lại) : ≥ 183mm 100mm (nối dài) : ≥ 274mm		

thanhdp2-15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		(gập lại) : ≥ 213mm Mức độ cản dòng khí (mặt phân cách bệnh nhân của F&P với phần ống hít vào và thở ra nối dài có thể gập lại) Ống thông mũi 50mm : 0,49cm H_2O tại 6 L/phút Ống thông mũi 70mm : 0,53cm H_2O tại 6 L/phút Ống thông mũi 100mm: 0,55cm H_2O tại 6 L/phút ***Ống thông mũi*** Chất liệu : silicon (không latex) hoặc tương đương Độ cứng : ≤ 80 shore A ***Mũ có dây buộc cho trẻ sơ sinh*** Làm bằng chất liệu cotton / hỗn hợp nylon (không latex) hoặc tương đương ***Bộ trộn kiểu các lưu lượng kế:*** + Lưu lượng kế Oxy: 0 đến ≥ 15 lít/ phút. + Lưu lượng kế khí nén: 0 đến ≥ 15 lít/ phút.		
3	Máy thở BiPAP	**Áp lực khí**: 2 – 25 cm H20 **Bộ tạo ẩm**: tích hợp **Dung tích**: ≥ 380ml **Ống khí**: Đường kính 15mm, dài 1,8m. Điều trị: suy hô hấp, COPD **Chế độ:** CPAP: áp lực khí cố định S**:** hai mức áp lực cố định, tối ưu theo nhịp thở T: hai mức áp lực cố định, tối ưu theo nhịp thở ST: hai mức áp lực cố định, tối ưu theo nhịp thở và thời gian PAC: hỗ trợ kiểm soát áp lực iVAPs : tối ưu hóa nhịp thở theo từng cá nhân **Tính năng:** - Tạo ẩm không khí. Giá trị: tự động, tùy chỉnh 1 – 8 mức ẩm - Làm ấm không khí. Giá trị: tự động, tùy chỉnh 16 – 30 oC - Tần số thở thông minh, hỗ trợ hơi thở tự nhiên - Áp lực thở ra tự động, đảm bảo duy trì đường thở luôn mở - điều chỉnh độ nhạy hít vào, thở ra - thời gian chờ tăng áp lực khí. Giá trị: tùy chỉnh 5 – 45 phút - thời gian chờ giảm áp lực khí. Giá trị: Tắt / Mở - Xác định rò rỉ khí và cân bằng áp lực khí khi bị rò rỉ - máy tự động chạy khi đeo mặt nạ - máy tự động dừng khi tháo mặt nạ - kiểm tra đeo mặt nạ kín khí hay chưa **Ứng dụng:**-xem kết quả sử dụng từ xa	Cái	1

thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		Báo cáo: thời gian sử dụng, mức độ tuân thủ; các sự kiện ; áp lực khí trung bình, rò rỉ khí, áp lực khí thở ra, tốc độ thở, thể tích thông khí… Cách báo cáo: màn hình máy, email, phần mềm, mạng Khoảng báo cáo: chi tiết 30 ngày, tóm tắt 365 ngày **Kết nội mạng:** Viễn thông 4G, tương thích mạng ở Việt Nam **Bộ nhớ:** Thẻ nhớ SD **Âm thanh:** ≤ 27 dBA		
4	Bộ đặt nội khí quản có sơ sinh/ trẻ em	**Cấu hình bao gồm:** - Cán pin: 02 cái - Bộ lưỡi đặt nội khí quản: 01 bộ, bao gồm: + Lưỡi đặt nội khí quản cong MacIntosh số 0,1,2 + Lưỡi đặt nội khí quản thẳng Miller số 0,1,2 - Bóng đèn thay thế: 01 cái - Túi đựng: 01 cái **Thông số kỹ thuật:** - Ánh sáng LED ≥ 2.5V - Lưỡi đặt nội khí quản dẫn sáng bằng sợi quang - Lưỡi cong MacIntosh số 0, dài khoảng 55mm - Lưỡi cong MacIntosh số 1, dài khoảng 70mm - Lưỡi cong MacIntosh số 2, dài khoảng 80mm - Lưỡi thẳng Miller số 0, dài khoảng 55mm - Lưỡi thẳng Miller số 1, dài khoảng 80mm - Lưỡi thẳng Miller số 2 dài khoảng 130mm	Bộ	2
5	Đèn chiếu vàng da	**<u>Cấu hình máy:</u>** - Máy chính: 1 máy - Phụ kiện kèm theo: • Dây nguồn: 01 • Màng lưới đỡ em bé: 01 • Bộ áo giữ ấm và tăng hiệu suất phản xạ ánh sáng: 2 bộ • Filter lọc bụi: 01 • Xe đẩy đặt máy 01 **<u>Đặc tính kỹ thuật</u>** **Máy chính** – Nguồn sáng chiếu xạ:	Cái	2

thanhdp2-15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		• Bước sóng trung tâm: 485 ~ 515nm • Nguồn sáng: ánh sáng xanh lá cây • Mức bức xạ: 95W/m^2 ± 25% • Tuổi thọ LED: ≥ 40.000 giờ – Thiết bị an toàn: Tự động dừng ở mức tăng nhiệt độ 39^oC – Nguồn điện cung cấp: AC 110~240V, 50/60Hz, 70VA hoặc ít hơn – Sức chứa: 10 kg – Độ ồn: dưới 45dB – Mức độ bảo vệ chống shock điện: Thiết bị cấp I, loại BF – Chống nước: IPX3 **Bộ áo trẻ (chất liệu)** – Bề mặt lưng: vải sợi bông mịn – Các phần khác: nhung mịn – Bên trong: gạc hữu cơ		
6	Máy theo dõi bệnh nhân	**Cấu hình máy:** - Máy chính: 01 máy - Các phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: • Dây nguồn: 01 sợi • Cáp điện tim: 01 sợi • Bộ dây ECG 3 chuyển đạo: 01 bộ • Điện cực tim: 30 cái • Cáp nối SpO2: 01 sợi • Đầu dò SpO2 người lớn và trẻ em: 01 cái • Ống đo huyết áp người lớn /trẻ em: 01 cái • Túi hơi huyết áp người lớn: 01 cái • Túi hơi huyết áp trẻ em: 01 cái • Đầu dò nhiệt độ da: 01 cái • Máy in: 01 cái • Giấy in: 01 xấp	Cái	2

thanhdp2-15/05/2024 09:08:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		• Pin sạc: 01 chiếc • Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ • Đĩa kỹ thuật máy: 01 cái **III. Chỉ tiêu kỹ thuật:** **1. Các thông số đo:** - Tối thiểu đo được: ECG (3 hoặc 6 đạo trình), nhịp thở (phương pháp trở kháng), SpO2, NIBP, nhiệt độ x 2 . **2. Hiển thị:** - Kích thước màn hình: màn hình màu TFT LCD ≥10 inch hoặc tương đương - Độ phân giải: ≥800 x 600 điểm. - Màn hình điều khiển cảm ứng: có sẵn. - Tốc độ quét: 6, 12.5, 25, 50 mm/s - Số màu sắc hiển thị: ≥10 màu, có thể lựa chọn. - Số dạng sóng tối đa hiển thị trên màn hình: ≥4 - Các dạng sóng được hiển thị trên màn hình chủ: ECG tối đa 2 sóng, dạng sóng nhịp thở, sóng xung SpO2. **3. Cảnh báo:** - Các mục cảnh báo tối thiểu có: cảnh báo trên/dưới, cảnh báo loạn nhịp, cảnh đáo đa giường bệnh, cảnh báo kỹ thuật. - Số lượng cài đặt: tối đa ≥3 cài đặt cho mỗi lứa tuổi người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. - Cài đặt tự động: cảnh báo ngưỡng trên/dưới, mức ST. **4. Pin** - Loại pin: Lithium ion hoặc tương đương, có thể sạc lại - Thời gian hoạt động ≥6 giờ **5. Máy in:** - Kiểu in: in nhiệt - Tốc độ in: tối thiểu đạt 12.5, 25, 50 mm/s **6. Xem lại:** - Thời gian hiển thị xem lại: ≥120 giờ - Số thông số xem lại ở mỗi đồ thị: ≥ 3		

thanhdp2 15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		- Số thông số hiển thị : ≥15 **7. Thông số Điện tim (ECG):** - Số đạo trình: • Cáp 3 đạo trình: I, II, III • Cáp 6 đạo trình: I, II, III , aVR, aVL, aVF, 2 từ V1 đến V6 - Số dạng sóng: ≥6 - Tần số đáp ứng: • Chế độ DIAG: 0.05 đến 150Hz • Chế độ MONITOR: 0.3 đến 40Hz • Chế độ MAXIMUM: 1 đến 18 Hz - Phạm vi đếm nhịp tim: 0, 15 đến 300 nhịp/phút - Độ chính xác đếm nhịp tim: ≤±2 nhịp/phút - Phân tích loạn nhịp: phương pháp phân tích kết hợp đa mẫu - Số kênh phân kích: - Các mục cảnh báo loạn nhịp: ≥25 mục - Có đo mức ST: ≥6 đạo trình - Có đo QTs/QRSd: lựa chọn đạo trình **8. Nhịp thở (trở kháng):** - Phương pháp đo: phương pháp trở kháng - Số kênh đo: ≥2 kênh - Phạm vi đếm nhịp thở: 0 đến 150 nhịp/phút - Độ chính xác đếm nhịp thở: ≤±2 nhịp/phút - Thời gian phát hiện ngưng thở: Tắt, 5 đến 40 giây **9. Huyết áp không xâm lấn (NIBP):** - Phương pháp đo: đo dao động - Phạm vi đo: 0 đến 300 mmHg - Độ chính xác: ≤±3 mmHg - Giá trị áp suất ban đầu • Người lớn: ≥180 mmHg		

thanhdp2-5/5/2021 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		• Trẻ em: ≥140 mmHg • Trẻ sơ sinh: 100 mmHg - Giá trị áp suất tối đa: • Người lớn/ trẻ em: ≥300 mmHg • Trẻ sơ sinh: ≥150 mmHg - Thời gian đo tối đa : • Người lớn/ trẻ em: ≤160s • Trẻ sơ sinh: ≤80s - Chế độ hoạt động: bằng tay, STAT, định kỳ, SIM - Chế độ đo: người lớn, trẻ em hoặc trẻ sơ sinh được ghi nhận bằng ống khí - Khí rò rỉ: ≤3mmHg/phút - Mục hiển thị: tâm thu (SYS), tâm trương (DIA), trung bình (MAP) - Có chức năng đo huyết áp thông minh - Hiển thị dữ liệu cũ: mờ hoặc ẩn **10. SpO2:** - Các mục báo động: SpO_2, nhịp mạch - Cài đặt âm thanh đồng bộ: 81-100, 40-100% - Phạm vi đo SpO2: • Phạm vi hiển thị: 0 đến 100% SpO2 • Độ chính xác đo: ±2% SpO2 - Phạm vi đo nhịp mạch: • Phạm vi hiển thị: 30 đến 300 nhịp/phút • Độ chính xác đếm: ±3 nhịp/phút - Có chỉ số đo biên độ xung - Có chỉ số chất lượng tín hiệu **11. Nhiệt độ:** - Số kênh: ≥2 - Nhiệt độ delta: có sẵn - Phạm vi đo: 0 đến 45^oC		

thanhdp2-15/09/2024 09:20:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		- Độ chính xác đo: ±0.1°C - Tự động nhận biết đầu dò nhiệt độ bị hư.		
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	**Cấu hình, thông số kỹ thuật bao gồm:** Kẹp Miller, dài 15cm Nạy Winter 12L Nạy Winter 12R Nạy chân răng thẳng Kẹp giữ bông băng Foerster-Ballenger thẳng răng cưa, dài 20cm Kẹp phẫu tích Micro Adson răng cưa, dài 12cm Kẹp mô Micro Adson 1x2 răng, dài 12cm Kẹp phẫu tích Gillies 1x2 răng, dài 15cm Kẹp phẫu tích Mc Indoe răng cưa, dài 15cm Kẹp phẫu tích Adson răng cưa, dài 12cm Kẹp phẫu tích Adson 1x2 răng, dài 12cm Kéo cắt thép, dài 12cm Kéo Iris cong, dài 11.5cm Kéo Iris thẳng, dài 11.5cm Kéo phẫu thuật Standard thẳng, dài 11.5cm Kéo phẫu thuật Standard cong, dài 11.5cm Kéo Joseph thẳng, dài 14cm Kéo Joseph cong, dài 14cm Kéo Kilner cong, dài 15cm Kéo phẫu thuật Mayo thẳng, dài 14.5 cm Kéo Metzenbaum cong, dài 14.5 cm Cán dao số 3 Gu gặm xương Friedman, dài 14cm Nâng xương Freer 2 đầu, dài 18cm Thìa nạo xương Volkmann, dài 17cm Đục xương Partsch 4mm, dài 17cm Búa Hajek 22cm, 140gram, đường kính 27mm Kẹp động mạch Halstead-Mosquito cong, dài 12.5cm Kẹp mang kim Halsey, dài 13cm Kẹp mang kim Webster, dài 13cm Kẹp mang kim Mayo-Hegar, dài 16cm Banh Baby-Senn-Miller 2 đầu sử dụng, 3 răng nhọn, dài 15cm Móc da đơn Gillies nhọn, dài 18cm	Bộ	1

thanhdp2-15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		Móc da Kilner nhọn, dài 15cm Kềm bẻ móc 12.5cm, cỡ 1 Kềm bẻ móc 12.5cm, cỡ 2 Ống hút Andrews Pynchon, dài 23.5cm Ống hút Frazier 10CH, dài 17cm Kẹp Allis giữ mô 5x6 răng, dài 15cm Kẹp Thoms-Allis 6x7 răng, dài 20cm Kẹp khăn mổ Backhaus, dài 8cm Gương khám 22mm Gương khám 24mm Cán gương khám Khay lưới đựng dụng cụ, kích thước 405x245x60mm Nắp hộp dụng cụ, kích thước 465X280mm Đáy hộp đựng dụng cụ, kích thước 465x280x135mm		
8	Bộ dụng cụ cắt tử cung mổ hở	**Cấu hình, thông số kỹ thuật bao gồm:** Cán dao số 4 Cán dao số 7 Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13CM Panh sát khuẩn GROSS-MAIER, thẳng, dài 25CM Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 25CM Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 20CM Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 20CM Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 25CM Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 25CM Kẹp mạch máu COLLER cong dài 16CM Kẹp mạch máu COLLER cong dài 14CM Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 24CM Kẹp mạch máu OCHSNER-KOCHER cong dài 24CM Kẹp mạch máu OCHSNER-KOCHER thẳng dài 24CM Kéo phẫu thuật MAYO-STILLE thẳng, tù/tù, dài 15.0CM Kéo phẫu thuật MAYO, cong, tù/tù, dài 17.0CM Kéo phẫu tích METZENBAUM cán vàng, cong, tù/tù, dài 18.0CM Kéo phẫu tích METZENBAUM cán vàng, cong, tù/tù, dài 20.0CM Kéo sản khoa SIMS cán vàng, cong, dài 23.0CM	Bộ	1

thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

		Kẹp răng chuột ALLIS, 5X6 răng, dài 25CM Kẹp răng chuột ALLIS, 5X6 răng, dài 19CM Kẹp cổ tử cung MUSEUX, thẳng, 6MM, dài 24CM Kẹp phúc mạc FAURE 1x2T, dài 20CM Kẹp cổ tử cung POZZI, dài 25CM Kẹp cỏ tử cung MUSEUX, thẳng, 6MM, dài 24CM Kẹp phẫu thuật HEANEY 2 răng dài 23CM Kẹp O'SHAUGNESSY 90°, mảnh dài 22CM Banh ổ bụng COLLIN dài 29CM, 50X58MM; 62X67MM Bộ banh FARABEUF, Fig 1+2, dài 15CM Banh DEAVER, rộng 25MM, dài 30CM Banh DEAVER, rộng 50MM, dài 30CM Van âm đạo DOYEN, kích thước 85X45MM Van âm đạo DOYEN, kích thước 115X45MM Banh RICHARDSON, kích thước 36X28MM, dài 24CM Móc xoắn u xơ tử cung DOYEN, dài 17CM Kẹp kim MAYO-HEGAR cán vàng, dài 18.0CM Kẹp kim MAYO-HEGAR, dài 18.0CM Kẹp kim CRILE-WOOD cán vàng, dài 20CM Kéo sản khoa SIMS cán vàng, cong, dài 23.0CM Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML Bát tròn, kích thước Ø 116X50MM Bát tròn, kích thước Ø 147X65MM Nắp hộp tiệt trùng, có đục lỗ, kích thước 580X280MM Đáy hộp tiệt trùng, không đục lỗ, kích thước 580X280X150MM Khay lưới kích thước 535X245X60mm Tấm silicon chống xước và cố định dụng cụ, kích thước 520X230MM		
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi xoang	**Cấu hình, thông số kỹ thuật bao gồm:** Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3.5mm, 0°, chiều dài làm việc 12cm Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 2.5mm, 0°, chiều dài làm việc 12cm Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3mm, 0°, chiều dài làm việc 12cm Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 2.5mm, 45°, chiều dài làm việc 12cm Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3mm, 45°, chiều dài làm việc 12cm Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3.5mm, 90°, chiều dài làm việc 12cm Dũa xương hai đầu FOMON, thân thẳng, lưỡi phủ bụi kim cương, dài 205mm Kìm cắt ngược mũi xoang, có kênh hút tưới rửa, mũi hướng lên, 1.5x6mm, đường kính mũi	Bộ	1

		3mm, chiều dài làm việc 10cm Kẹp mở rộng lỗ thông xoang trán, xoang bướm, hàm cắt 3mm, cong lên 70°, chiều dài làm việc 17cm Kẹp STAMMBERGER hướng lên 65°, ngàm cắt ngang 3m, có kênh hút tưới rửa đường kính 2.5mm, chiều dài làm việc 12cm Kéo mũi xoang, lưỡi thẳng, trơn, mũi đường kính 5mm, thân kéo đường kính 3mm, chiều dài làm việc 12cm Kìm đột xoang bướm HAJEK-KOFLER, mũi 4x4mm hướng lên, dài 14cm Bóc tách FREER hai đầu nhọn/tù, dài 18CM Bóc tách hai đầu COTTLE, dài 23cm Móc COTTLE 2 răng nhọn, dài 14cm Thìa nạo xoang COAKLEY, lưỡi sắc, cỡ số 1, dài 17cm Thìa nạo xoang COAKLEY, lưỡi sắc, cỡ số 5, dài 17cm Kẹp kim DE BAKEY cán vàng, dùng cho chỉ 3/0 đến 6/0, dài 18.0CM Đục lòng máng Ballenger lưỡi vát, 4mm, dài 16cm Đục lóng máng KILLIAN, gấp khúc, lưỡi bằng 5mm, dài 17cm Đục xương mũi MASING, dài 17.5CM, quay phải Đục xương mũi MASING, dài 17.5CM, quay trái Đục xương mũi MASING, dài 17.5CM, thẳng Búa COTTLE, đường kính 30mm, 240G, dài 19cm Bẩy hút Freer, dài 210mm Ống hút FRAZIER, đường kính 6 charr, dài 17 CM Ống hút FRAZIER, đường kính 8 charr, dài 17 CM Ống hút LUER, 3mm/110mm Ống hút LUER, 4.5mm/110mm Trocar tiêu chuẩn có khiên giữ, đường kính 5mm, dài 110mm Dao BRUENINGS, chiều dài 16cm Kéo phẫu thuật mũi FOMON, tù, dài 13.5CM Banh mũi COTTLE, 50MM, dài 15CM Kẹp phẫu tích tai, cong dạng lưỡi lê, dài 14CM Nhíp phẫu tích BISHOP-HARTMAN, thẳng, 1X2T, dài 8.5CM Kẹp mạch máu HALSTED-MOSQUITO cong dài 12.5CM Ống hút BARON, 2mm x 75mm Ống hút EICKEN-KILLIAN, đường kính 3mm, dài 130mm Khay lưới kích thước 405X245X60mm Nắp hộp tiệt trùng, có đục lỗ, kích thước 465X280MM		

		Đáy hộp tiệt trùng, không đục lỗ, kích thước 465X280X135MM		
10	Bộ đèn đặt nội khí quản (có camera)	- **Yêu cầu cấu hình:** 1. Màn hình và tay cầm: 01 bộ 2. Lưỡi đặt nội khí quản loại dùng nhiều lần: Size 2, size 3, size 4 (mỗi loại 01 cái) 3. Bộ sạc + Pin sạc tích hợp: 01 bộ 4. Cáp truy xuất dữ liệu: 01 cái 5. Hộp đựng: 01 cái 6. Hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt: 01 bộ **- Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật:** **1. Màn hình hiển thị:** - Kích thước: ≥ **4 inch** Màn hình: LCD, chống trầy xước và chống lóa - Độ phân giải ≥ 640*480 RGB - Tỉ lệ khung ảnh: 4:3 - Tốc độ khung ảnh (Tần số quét): ≥ 30FPS - Công nghệ LED **2. Lưỡi đặt nội khí quản tích hợp camera:** **Camera** - Độ phân giải: ≥ 2.0M Pixel - Góc quan sát: ≥ 66 ^{o} - Độ sáng: ≥ 800 Lux **Lưỡi đặt nội khí quản loại dùng nhiều lần** có thể sử dụng ≥ 1000 lần. Với nhiều kích cỡ như sau (mm): - No.2 (Trẻ em): 117.4 x 23.8 x 36.5 (D x R x C) mm - No.3 (Người lớn): 130.4 x 23.9 x 43.3 (D x R x C) mm - No.4 (lưỡi khó): 137.6 x 26 x 53.1 (D x R x C) mm - Tuỳ chọn thêm lưỡi Miller: No.0, No.1 (sơ sinh); MAC 1, MAC 5 **3. Pin:** - Loại: Pin Lithium hoặc tương đương, có thể Sạc lại Thời gian làm việc: ≥ 120 phút - Tuổi thọ pin: ≥ 300 lần sạc - Thời gian sạc: Dưới 4 giờ -	Cái	1

thanhdp2-1[illegible]24 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

(Đính kèm thư mời chào giá số:338 /TM-YTST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của TTYT quận Sơn Trà)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

thanhdp2-15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[(12)]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

thanhdp2-15/03/2024 09:28:50-thanhdp2-thanhdp2